

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2022

V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Thắm

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hoàng Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 114/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc: “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/QĐXX-HNGĐ ngày 05/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 5, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương,

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ : Khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2022 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Phụng trình bày:

Bà Trần Thị P và ông Nguyễn Thanh S có tổ chức đám cưới, tự nguyện sống chung từ năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Ông S thường xuyên kiểm chuyện đánh đập bà P. Tuy nhiên do muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình nên bà P vẫn cố gắng chịu đựng hàn gắn với ông S. Đến năm 2020 sau khi bà P sinh cháu thứ 2 thì giữa bà P và ông S mâu thuẫn càng trầm trọng, ông S đánh đập bà P thường xuyên hơn nên bà P đã đem 02 con về nhà mẹ ruột của bà P sinh sống từ đó đến nay.

Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà P và ông S là vợ chồng.

Về con chung: Bà P và ông S có 02 con chung là Trần Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/9/2017 và cháu Trần Hoài A, sinh ngày 16/3/2020. Các cháu đều do P trực tiếp nuôi dưỡng năm 2020 đến nay. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con. Do bà P và ông S không có đăng ký kết hôn nên giấy khai sinh của các cháu N và A không có tên cha là ông S.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Thanh S đối với yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với phần trình bày của bà P về quá trình chung sống, con chung. Ông S và bà P chung sống nhưng không đăng ký kết hôn.

Ông S và bà P sống chung với nhau lúc đầu rất hạnh phúc nhưng sống chung với nhau được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng không còn tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông S và bà P là vợ chồng thì ông S đồng ý.

Về con chung: Ông S và bà P có 02 con chung là Trần Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/9/2017 và cháu Trần Hoài A, sinh ngày 16/3/2020. Do ông S và bà P không có đăng ký kết hôn nên giấy khai sinh của các cháu N và A không có ghi tên cha là Nguyễn Thanh S. Tòa án tuyên không công nhận bà P và ông S là vợ chồng thì ông S đồng ý giao 02 con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì mới và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát :

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn cư trú tại khu phố 2, phường T, thị xã Bến Cát, tỉnh

Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Trần Thị P và ông Nguyễn Thanh S tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà P cho rằng giữa bà P và ông S không còn yêu thương nhau, bất đồng quan điểm, và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Do đó, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà P và ông S là vợ chồng.

Xét thấy, bà P và ông S chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà P và ông S là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà P và ông S có 02 con chung là Trần Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/9/2017 và cháu Trần Hoài A, sinh ngày 16/3/2020. Bà P và ông S thỏa thuận thống nhất giao hai con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ông S không phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phụng đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh Sơn về việc: “tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị P và ông Nguyễn Thanh S là vợ chồng.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/9/2017 và cháu Trần Hoài A, sinh ngày 16/3/2020 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Sơn và bà P đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, ông Sơn được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số AA/2021/0004780 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thế Thị Ngọc Anh